

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ MỸ THO
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 144/2022/DS-ST
Ngày 22 tháng 9 năm 2022
V/v tranh chấp “Hợp đồng
vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ MỸ THO, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Tất Ái.

2. Bà Lê Thị Thu Yên.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Đoàn Thị Diễm Hương - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Mỹ Tho tham gia phiên tòa:** Ông Danh Nguyên – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 205/2022/TLST-DS ngày 27 tháng 6 năm 2022 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 163/2022/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Bà Phan Thị Q, sinh năm: 1956;

Địa chỉ: Số N đường G, Phường B, TP M, tỉnh Tiền Giang.

Chỗ ở hiện nay: Số H đường K, Phường S, TP M, tỉnh Tiền Giang.

* **Bị đơn:** Ông Lê Kim T, sinh năm: 1970;

Bà Phạm Thị Mỹ L, sinh năm: 1979;

Cùng địa chỉ: Số T đường P, Phường S, TP M, tỉnh Tiền Giang.

(có mặt bà Q, vắng mặt ông T, bà L)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại đơn khởi kiện ngày 23/6/2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Phan Thị Q trình bày:*

Lợi dụng lòng tin của bà và người quen, vợ chồng ông Lê Kim T, bà Phạm Thị Mỹ L có vay tiền bà nhiều lần, tổng cộng 490.000.000 đồng, cụ thể các lần như sau:

Ngày 20/6/2018 vay 30.000.000 đồng.

Ngày 10/7/2018 vay 20.000.000 đồng.

Ngày 28/7/2018 vay 10.000.000 đồng.

Ngày 25/10/2018 vay 30.000.000 đồng.

Ngày 07/3/2019 vay 40.000.000 đồng.

Ngày 09/3/2019 vay 40.000.000 đồng.

Ngày 16/8/2019 vay 50.000.000 đồng.

Ngày 10/9/2019 vay 20.000.000 đồng.

Ngày 09/10/2019 vay 20.000.000 đồng.

Ngày 14/12/2019 vay 30.000.000 đồng.

Ngày 26/12/2019 vay 50.000.000 đồng.

Ngày 20/02/2020 vay 60.000.000 đồng.

Ngày 25/4/2020 vay 20.000.000 đồng.

Ngày 03/02/2021 vay 30.000.000 đồng.

Ngày 09/3/2022 vay 40.000.000 đồng.

Vay tiền mua gạo và thức ăn cho chó là 42.324.000 đồng.

Vay tiền đáo hạn ngân hàng là 360.120.000 đồng.

Ngoài ra ông T, bà L còn nhờ bà đứng tên chơi dùm 12 dây hụi, tổng số tiền là 275.000.000 đồng. Tất cả dây hụi đã mất nhưng bà L không đóng đầy đủ. Chủ hụi mà bà L nhờ bà chơi tên Nguyễn Thị T.

Sau khi vay tiền và thiếu nợ tiền hụi, vợ chồng ông T, bà L không trả tiền cho bà mặc dù bà có đòi nhiều lần.

Nay bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông T và bà L trả cho bà số tiền nợ vay và nợ hụi là 1.167.444.000 đồng.

Ngày 16/8/2022, bà Q có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện. Cụ thể, bà Q xin rút lại yêu cầu trả tiền mua gạo và thức ăn cho chó là 42.324.000 đồng. Rút lại yêu cầu trả tiền đáo hạn ngân hàng là 360.120.000 đồng. Rút lại yêu cầu trả tiền hụi là 275.000.000 đồng.

Bổ sung thêm yêu cầu trả tiền vay là 10.000.000 đồng theo biên nhận ngày 21/6/2020. Tổng cộng yêu cầu vợ chồng ông T, bà L trả tiền vay là 500.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định pháp luật.

* Bị đơn ông Lê Kim T, bà Phạm Thị Mỹ L đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn không có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của bà Q.

* Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Phan Thị Q rút lại yêu cầu trả tiền mua gạo và thức ăn cho chó là 42.324.000 đồng. Rút lại yêu cầu trả tiền đáo hạn ngân hàng là 360.120.000 đồng. Rút lại yêu cầu trả tiền hụi là 275.000.000 đồng. Yêu cầu vợ chồng ông T, bà L trả tiền vốn vay là 490.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định pháp luật. Bổ sung thêm yêu cầu trả tiền vay là 10.000.000 đồng theo biên nhận ngày 21/6/2020.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của thẩm phán, Thư ký tòa án, Hội đồng xét xử và các đương sự từ khi thụ lý vụ án cho đến thời điểm Hội đồng xét xử chuẩn bị nghị án đều đúng theo trình tự do Bộ luật tố tụng quy định.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đại diện Viện kiểm sát cho rằng việc khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đình chỉ phần yêu cầu khởi kiện mà nguyên đơn đã rút.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi thẩm tra xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nghe lời trình bày và phát biểu tranh luận của đương sự, ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ pháp luật:* Nguyên đơn bà Phan Thị Q căn cứ các vào giấy mượn tiền đề khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông T, bà L trả tiền vốn vay là 500.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả từ thời điểm vay đến khi Tòa án xét xử vụ án theo quy định pháp luật. Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản được quy định tại Điều 463 của Bộ luật dân sự năm 2015 và khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về thủ tục tố tụng:* Tại thời điểm xác lập hợp đồng vay tài sản, vợ chồng ông T, bà L thể hiện nơi cư trú tại số T đường P, Phường S, TP M, tỉnh Tiền Giang, khi Tòa án tiến hành xác minh được biết vợ chồng ông T, bà L có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa chỉ trên nhưng hiện vắng mặt tại địa phương. Như vậy sau khi xác lập hợp đồng vay tài sản với bà Q cho đến nay, ông T, bà L không thông báo cho bà Q biết về nơi cư trú, làm việc mới. Do vậy, trường hợp của vợ chồng ông T, bà L được coi là cố tình giấu địa chỉ theo quy định tại khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277 của Bộ luật dân sự năm 2015 và điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Tòa án đã tiến hành tổng đạt đối với vợ chồng ông T, bà L đến Tòa án để lấy lời khai, thông báo về việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng vợ chồng ông T, bà L vẫn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử thấy cần áp dụng khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt đối với ông T, bà L.

[3] *Về yêu cầu khởi kiện mà nguyên đơn xin rút:* Tại phiên tòa, bà Q xin rút lại yêu cầu trả tiền mua gạo và thức ăn cho chó là 42.324.000 đồng. Rút lại yêu cầu trả tiền đáo hạn ngân hàng là 360.120.000 đồng. Rút lại yêu cầu trả tiền hụi là 275.000.000 đồng. Xét thấy việc rút yêu cầu buộc ông T, bà L trả các khoản tiền trên của nguyên đơn là tự nguyện, Hội đồng xét xử đình chỉ phần yêu cầu khởi kiện mà nguyên đơn đã rút theo quy định tại Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] *Về yêu cầu của đương sự:* Căn cứ vào các biên nhận mượn tiền do bà Q cung cấp thể hiện, ngày 20/6/2018 vợ chồng ông T, bà L vay của bà Q số tiền 30.000.000 đồng; ngày 10/7/2018 vay 20.000.000 đồng, ngày 28/7/2018 vay 10.000.000 đồng, ngày 25/10/2018 vay 30.000.000 đồng, ngày 07/3/2019 vay 40.000.000 đồng, ngày 09/3/2019 vay 40.000.000 đồng, ngày 16/8/2019 vay 50.000.000 đồng, ngày 10/9/2019 vay 20.000.000 đồng, ngày 09/10/2019 vay 20.000.000 đồng, ngày 14/12/2019 vay 30.000.000 đồng, ngày 26/12/2019 vay 50.000.000 đồng, ngày 20/02/2020 vay 60.000.000 đồng, ngày 25/4/2020 vay 20.000.000 đồng, ngày 21/6/2020 vay 10.000.000 đồng, ngày 03/02/2021 vay 30.000.000 đồng, ngày 09/3/2022 vay 40.000.000 đồng. Tổng cộng ông T, bà L vay của bà Q số tiền 500.000.000 đồng. Hợp đồng vay tài sản tiền giữa ông T, bà

L và bà Q là hợp đồng không kỳ hạn, theo bà Q trình bày khi nào cần tiền bà Q thông báo thì ông T, bà L có nghĩa vụ trả. Tuy nhiên, lợi dụng lòng tin của bà Q, ông T, bà L cứ mượn nhiều lần nhưng khi bà Q thông báo trả tiền thì vợ chồng ông T, bà L không trả mà còn bỏ đi khỏi địa phương. Việc ông T, bà L không thực hiện đúng nghĩa vụ của bên vay tài sản trả đủ tiền khi đến hạn là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự. Căn cứ Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự, ông T, bà L phải có nghĩa vụ cung cấp chứng cứ, chứng minh, đối chất số tiền đã vay, hoặc cung cấp chứng cứ đã thanh toán tiền cho bà Q. Tuy nhiên, trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, ông T, bà L không đến Tòa án cung cấp chứng cứ, đối chất về số tiền đã vay đã thanh toán. Do đó, căn cứ vào lời khai và chứng cứ là các giấy mượn tiền kể trên có đủ cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Q theo quy định tại các Điều 463, 466, 469 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[5] Đối với yêu cầu tính lãi: tại phiên tòa bà Q yêu cầu tính lãi từ ngày cho vay cuối cùng là ngày 09/3/2022 đến ngày xét xử làm tròn 06 tháng. Xét thấy yêu cầu tính lãi của bà Q là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự và điểm a Khoản 3 Điều 6 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao nên Tòa án chấp nhận. Cụ thể số tiền lãi là: $500.000.000 \text{ đồng} \times 0.83\%/\text{tháng} \times 06 \text{ tháng} = 24.900.000 \text{ đồng}$.

[6] *Về án phí*: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 147, 227, 228, 244, 266, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 463, 466, 468, 469 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử:

1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị Q về việc buộc ông Lê Kim T, bà Phạm Thị Mỹ L trả tiền mua gạo và thức ăn cho chó là 42.324.000 đồng; Trả tiền đáo hạn ngân hàng là 360.120.000 đồng; Trả tiền hui là 275.000.000 đồng.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị Q.

Buộc ông Lê Kim T và bà Phạm Thị Mỹ L có nghĩa vụ trả cho bà Phan Thị Q 500.000.000 đồng tiền vốn và 24.900.000 đồng tiền lãi, tổng cộng là 524.900.000 (*năm trăm hai mươi bốn triệu chín trăm ngàn*) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu người có nghĩa vụ thi hành án chậm thi hành án, thì hàng tháng còn phải chịu số tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

3. Về án phí: Ông Lê Kim T và bà Phạm Thị Mỹ L phải chịu 24.996.000 (*hai mươi bốn triệu chín trăm chín mươi sáu ngàn*) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bà Phan Thị Q có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, Ông Lê Kim T và bà Phạm Thị Mỹ L có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP Mỹ Tho;
- CCTHADS TP Mỹ Tho;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Thị Thúy Hằng